

Số: 05/2026/QĐST- DS

Ninh Bình, ngày 05 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 100/2025/TLST - DS ngày 30/10/2025.

XÉT THẤY:

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M1 (JUPITER); Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Huy M – Chức vụ giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: ông Đinh Trung S –Chuyên viên xử lý nợ;

Ngân hàng TMCP V2 (V3); Địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 2 – khối Thu hồi và xử lý nợ.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: ông Lê Văn T1 – Chuyên viên xử lý nợ

- **Bị đơn:** Ông Hà Đức V, sinh năm: 1954 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1957; Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Hà Huy V1, sinh năm: 1984; Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990; Địa chỉ: thôn Đ, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H, ông V, bà T2: Ông Hà Huy V1, sinh năm: 1984; Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tổng số nợ tạm tính đến ngày 28/01/2026: Tổng số tiền là: **10.054.011.854** đồng (cụ thể, nợ gốc: 8.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.804.914.588 đồng, lãi quá hạn: 91.996.651 đồng; lãi chậm trả là 157.100.615 đồng), theo Hợp đồng tín dụng đã ký cụ thể:

+ Ông Hà Đức V, bà Nguyễn Thị T2 còn nợ Công ty M1 theo Hợp đồng tín dụng số: LN2401051472761 ký ngày 26/01/2024, số tiền là: **8.972.500.757 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 7.200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.559.060.663 đồng, lãi quá hạn: 83.096.986 đồng; lãi chậm trả là: 130.343.108 đồng);

+ Ông Hà Đức V, Ông Nguyễn Thị T2 còn nợ ngân hàng V3 theo Hợp đồng tín dụng mức số: LN2401051472761 ký ngày 26/01/2024, số tiền là: **1.081.511.097 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 245.853.925 đồng, lãi quá hạn: 8.899.665 đồng; lãi chậm trả là: 26.757.507 đồng);

2.2. Về phương thức trả nợ: Hạn cuối ngày 01/09/2026, Ông Hà Đức V và bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho công ty M1 và Ngân hàng V3 số tiền là: Tổng số tiền là: **10.054.011.854** đồng (cụ thể, nợ gốc: 8.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.804.914.588 đồng, lãi quá hạn: 91.996.651 đồng; lãi chậm trả là 157.100.615 đồng), và theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 26/01/2024 từ 29/01/2026 đến thời điểm trả hết nợ theo lộ trình như sau:

Trả tiền nợ gốc thành các đợt cụ thể như sau:

Từ ngày 28/01/2026 đến ngày 01/03/2026: trả cho Ngân hàng và công ty M1 số tiền **1.000.000.000** đồng(chia theo phần ông V, bà T2 trả công ty M1 là 900.000.000 đồng và ngân hàng V3 là 100.000.000đ)

Từ ngày 01/03/2026 đến ngày 01/04/2026: trả cho Ngân hàng và công ty M1 số tiền **1.000.000.000** đồng(chia theo phần ông V, bà T2 trả công ty M1 là 900.000.000 đồng và ngân hàng V3 là 100.000.000đ)

Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 01/05/2026: trả cho Ngân hàng và công ty M1 số tiền **1.000.000.000** đồng(chia theo phần ông V, bà T2 trả công ty M1 là 900.000.000 đồng và ngân hàng V3 là 100.000.000đ)

Từ ngày 01/05/2026 đến ngày 01/06/2026: trả cho Ngân hàng và công ty M1 số tiền **1.000.000.000** đồng(chia theo phần ông V, bà T2 trả công ty M1 là 900.000.000 đồng và ngân hàng V3 là 100.000.000đ)

Từ ngày 01/06/2026 đến ngày 01/07/2026: trả cho Ngân hàng và công ty M1 số tiền **1.000.000.000** đồng(chia theo phần ông V, bà T2 trả công ty M1 là 900.000.000 đồng và ngân hàng V3 là 100.000.000đ)

Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 01/08/2026: trả cho Ngân hàng và công ty M1 số tiền **1.000.000.000** đồng(chia theo phần ông V, bà T2 trả công ty M1 là 900.000.000 đồng và ngân hàng V3 là 100.000.000đ)

Từ ngày 01/08/2026 đến ngày 01/09/2026: trả cho Ngân hàng và công ty M1 số tiền **1.000.000.000** đồng(chia theo phần ông V, bà T2 trả công ty M1 là 900.000.000 đồng và ngân hàng V3 là 100.000.000đ)

Từ ngày 01/09/2026 đến ngày 01/10/2026 ông Hà Đức V, bà Nguyễn Thị T2 tất toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V3 và công ty M1.

Toàn bộ tiền ông Hà Đức V, bà Nguyễn Thị T2 trả ngân hàng và công ty M1 sẽ thu vào tiền gốc. Sau khi thu hết tiền gốc mới được thu vào tiền lãi

Từ ngày 29 /01/2026 ông Hà Đức V, bà Nguyễn Thị T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: LN2401051472761 ký ngày 26/01/2024, cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc cho Ngân hàng V3, công ty M1.

2.3. Trường hợp ông Hà Đức V, bà Nguyễn Thị T2 vi phạm nghĩa vụ bất cứ một kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên, Ngân hàng V3 và công ty M1 có quyền yêu cầu đề nghị Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số: LN2401051472715/HĐTC ký ngày 25/01/2024 do anh Hà Huy V1 và chị Nguyễn Thị T2 đã ký: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 164 và thửa đất số 150, tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số T 267943 số vào sổ GCN: 04987 QSDĐ/HĐ số 123/CN do UBND huyện B cấp ngày 26/06/2001.

2.4. Về tài sản thế chấp: Sau khi ông Hà Đức V, bà Nguyễn Thị T2 trả xong số tiền phải trả, Ngân hàng V3; công ty M1 có trách nhiệm giải chấp cho ông Hà Huy V1, bà Nguyễn Thị H, toàn bộ các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, Ngân hàng V3, công ty M1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa nên các đương sự phải chịu 50% số án phí phải nộp.

-Ông Hà Đức V, bà Nguyễn Thị T2 là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V2 (V3) số tiền 20.729.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số BLTU/25E/0002396 ngày 29/10/2025.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần M1 (JUPITER) số tiền 58.295.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số BLTU/25E/00002395 ngày 29/10/2025.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
 - VKSND KV3- NB;
 - Dương sự;
 - THADS - TNB
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Thị Thanh Nhàn